

Bản án số: 20/2022/HS-PT.

Ngày 21 - 6 - 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hà

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Hương, ông Ma Ngọc Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Tuyết Hào - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 13/2022/TLPT-HS ngày 04 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Bàn Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2022/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Bị cáo có kháng cáo:

Bàn Văn T, sinh ngày 12 tháng 5 năm 1978 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn Minh Lợi, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Công chức Văn phòng - Thống kê UBND xã T, huyện Yên Sơn; dân tộc: Dao; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; chức vụ đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại biểu Hội đồng nhân dân xã T khóa XIX, nhiệm kỳ 2016 – 2021 (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 36-QĐ/UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Yên Sơn; tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu Hội đồng nhân dân theo Quyết định số 03/QĐ-HĐND ngày 12/11/2020 của Hội đồng nhân dân xã T); con ông Bàn Văn T, sinh năm 1937 và bà Lý Thị X, sinh năm 1942; có vợ Bàn Thị L, sinh năm 1985 và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Đàm Quốc Cường - Luật sư Công ty luật TNHH Quốc Cường thuộc đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án);

2. Ông Hoàng Văn Vũ - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang (*có mặt*);

- *Bị hại*: Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ma Thế M - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T; người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Văn T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (*có mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Chu Thị H, sinh năm 1975 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*);

2. Anh Bàn Văn T, sinh năm 1980 (*có mặt*);

3. Anh Lý Văn P, sinh năm 1980 (*có mặt*);

Đều trú tại: Thôn Bản Pênh, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

4. Anh Lý Chí N, sinh năm 1975 (*có mặt*);

Nơi cư trú: Thôn Đát Trà, xã Phú Thịnh, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Bàn Văn T, anh Lý Văn P, anh Lý Chí N *có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án*);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/12/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn ban hành Quyết định số 10643/QĐ-UBND về việc phê duyệt giao dự toán kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2016 huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (trên cơ sở hợp đồng tư vấn số 01/2016/HĐ-TV của Phân viện điều tra quy hoạch rừng Đông Bắc Bộ về điều tra, lập hồ sơ hỗ trợ bảo vệ rừng năm 2016 và danh sách các hộ dân thuộc diện đối tượng được hưởng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020). Trong 190 hộ dân được giao rừng tại xã T có 143 hộ dân đủ điều kiện, thuộc diện được hưởng tiền kinh phí hỗ trợ khoán bảo vệ rừng, với tổng diện tích 548,44 ha (các hộ được giao rừng sản xuất là rừng tự nhiên, rừng sản xuất là rừng trồng không thuộc diện được hưởng). Theo bảng phân bổ kinh phí Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2016 trên địa bàn huyện Yên Sơn (*theo Quyết định số 10643/2016*) được cấp với tổng số tiền là 523.490.000đ (*Năm trăm hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*) thông qua Kho bạc Nhà nước huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Trong đó số tiền được cấp 219.376.000đ (*Hai trăm mười chín triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) là số tiền hỗ trợ khoán bảo vệ rừng cấp cho các hộ dân thuộc diện được hưởng.

Ngày 16/01/2017, Ủy ban nhân dân xã T làm thủ tục rút số tiền 253.626.000đ (*Hai trăm năm mươi ba triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) trong đó có 219.376.000đ (*Hai trăm mười chín triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) là tiền hỗ trợ khoán bảo vệ rừng cấp cho 143 hộ dân từ Kho bạc Nhà nước

huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang về nhập quỹ tiền mặt của Ủy ban nhân dân xã T do ông Lý Văn P (trú tại thôn Minh Lợi, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang) là thủ quỹ Ủy ban nhân dân xã T quản lý. Do công việc nhiều không thực hiện việc chi trả cho các hộ dân được nên tại cuộc họp của Ủy ban nhân dân xã T, Lý Văn P đã có ý kiến đề nghị giao việc chi trả tiền hỗ trợ khoán bảo vệ rừng cho Bàn Văn T thực hiện. Sau khi Lý Văn P có ý kiến, tại cuộc họp ông Bàn Văn T (trú tại thôn Bản Pinh, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, lúc đó Thân là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T) phân công cho Bàn Văn T (trú tại thôn Minh Lợi, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, là công chức xã T được tuyển dụng theo Quyết định số 5973/QĐ-UBND ngày 14/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn) hiện là cán bộ Công chức Văn phòng - Thống kê xã T trực tiếp thực hiện cấp phát, chi trả tiền cho các hộ dân thuộc diện đối tượng được hưởng nói trên (ông Thân phân công bằng miệng, không thể hiện bằng văn bản). Sau khi được phân công T nhận toàn bộ số tiền 219.376.000đ (*Hai trăm mười chín triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) từ Lý Văn P và trực tiếp quản lý, thực hiện việc chi trả cho các hộ dân theo danh sách. Sau đó căn cứ theo danh sách đối tượng được hưởng, T gọi điện thoại cho các Trưởng thôn, thông báo các hộ gia đình thuộc diện được hưởng đến Ủy ban nhân dân xã để nhận tiền. T đã chi trả cho 136 hộ dân trong danh sách với tổng số tiền là 208.116.000 đồng. Đến thời điểm quyết toán, khoảng tháng 4/2017 lợi dụng một số hộ không nhận được thông báo đến Ủy ban xã T để nhận tiền và một số hộ dân không có mặt tại địa phương trong thời gian cấp phát, chi trả, T đã không cấp phát, chi trả và không nộp lại quỹ ngân sách, không báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T mà tự ý ký khống vào cột ký nhận trong danh sách nhận tiền của 07 hộ, hoàn thiện chứng từ giao cho công chức Kế toán Ủy ban nhân dân xã T làm thủ tục quyết toán và chiếm đoạt tiền kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng được giao quản lý với tổng số tiền là 11.260.000đ (*Mười một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Quá trình điều tra xác định được cụ thể số tiền Bàn Văn T đã chiếm đoạt như sau:

1. Hộ ông Lầu Văn V, trú tại thôn Khuổi Bốc, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Theo danh sách nhận tiền hỗ trợ bảo vệ rừng năm 2016, hộ gia đình Vàng được nhận số tiền số tiền 812.000đ (*Tám trăm mười hai nghìn đồng*). Trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 6/2020, Vàng biết mình thuộc diện được hưởng nên đã trực tiếp đến Ủy ban nhân dân xã đề nghị chi trả nhưng không có kết quả, đến tháng 9/2020 Vàng gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã T, Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn đề nghị chi trả số tiền trên 812.000đ. Sau khi có đơn yêu cầu nhiều lần ngày 22/9/2020, T mới chi trả cho Vàng số tiền 812.000 đồng tại Chốt bảo vệ rừng Khuổi Bốc, thuộc thôn Khuổi Bốc, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2. Hộ ông Nguyễn Đình C, trú tại thôn Bản Pinh, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Theo danh sách nhận tiền hỗ trợ bảo vệ rừng năm 2016, hộ gia đình Chuyên được nhận số tiền 1.660.000đ (*Một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*). Khoảng tháng 4/2020, Chu Thị H (vợ của Chuyên) biết có đoàn thanh tra của Sở

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang đến thanh tra việc chi trả tiền hỗ trợ và biết hộ gia đình mình thuộc diện được hưởng nhưng chưa được nhận tiền mà trong danh sách đã có chữ ký nhận tiền “KT Nga”, Chu Thị H đã trực tiếp đến Ủy ban nhân dân xã để đề nghị chi trả nhưng không có kết quả, sau nhiều lần có ý kiến, đến ngày 03/7/2020, T mới chi trả cho Chu Thị H số tiền 1.660.000đ (*Một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*).

3. Hộ ông Hoàng Văn Đứ tại thôn Khuân Nà, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (đã chuyển khẩu đến thôn Đá Bay, xã Bình Yên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên ngày 13/5/2020). Theo danh sách chi trả hộ Hoàng Văn Đứ được nhận số tiền 3.568.000đ (*Ba triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng*). Tuy nhiên đối với hộ Hoàng Văn Đứ quá trình điều tra xác định ngày 20/8/2015, hộ Hoàng Văn Đứ đã chuyển nhượng quyền sử dụng toàn bộ diện tích 84.000m² (*Tám mươi tư nghìn mét vuông*) đất rừng sản xuất (thuộc diện được hỗ trợ) cho ông Lý Mạnh Hùng, trú tại thôn Bản Pênh, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

4. Hộ ông Sùng Seo Strú tại thôn Vàng On, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (không có mặt tại địa phương từ năm 2013). Theo danh sách chi trả hộ Sùng Seo Sứ được nhận số tiền số tiền là 572.000đ (*Năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng*);

5. Hộ ông Sùng Seo S1 trú tại thôn Vàng On, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (không có mặt tại địa phương từ năm 2013). Theo danh sách chi trả hộ Sùng Seo S1 được nhận số tiền số tiền 1.200.000đ (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*);

Hiện nay, diện tích rừng của Sùng Seo Svà Sùng Seo S1 đã bàn giao cho ông Sùng Seo Chính, trú tại thôn Vàng On, xã T (là em trai của ông Sùng Seo Sèng) quản lý, sử dụng (chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định).

6. Hộ ông Sùng Seo P trú tại thôn Vàng On, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (không có mặt tại địa phương từ năm 2013). Theo danh sách chi trả hộ Sùng Seo P được nhận số tiền 268.000đ (*Hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng*), diện tích rừng của Sùng Seo P hiện chưa giao cho ai quản lý, bảo vệ.

7. Hộ ông Sùng Seo Puân trú tại thôn Vàng On, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (đã chuyển đăng ký hộ khẩu thường trú đến tổ dân phố 11, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai từ năm 2011). Theo danh sách chi trả hộ Sùng Seo Puân được nhận số tiền 3.180.000đ (*Ba triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*);

Đối với hộ Hoàng Văn Đ đã chuyển quyền sử dụng đất cho Lý Mạnh Hùng (Hùng đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); các hộ Sùng Seo Sèng, Sùng Seo P, Sùng Seo S1, Sùng Seo Puân đến thời điểm năm 2016 không còn sinh sống tại xã T, không thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng nên không thuộc đối tượng được hưởng tiền hỗ trợ khoán và bảo vệ rừng theo quy định.

Tại Kết luận giám định số 267/GĐ-KTHS ngày 02/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận (đối với mẫu chữ ký Hoàng Văn Đso với chữ ký trong danh sách nhận tiền hỗ trợ khoán bảo vệ rừng 2016): chữ ký, chữ viết "Đoàn" tại mục "Ký nhận" ở hàng thứ tự số 11 ghi họ và tên Hoàng Văn Đtrong bản "DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, NHU CẦU KINH PHÍ KHOÁN BẢO VỆ RỪNG xã T - Yên Sơn - Tuyên Quang", đề ngày 03/3/2017 (Ký hiệu A1) với chữ viết ghi tên Hoàng Văn Đtrên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người viết.

Tại Kết luận giám định số 447/GĐ-KTHS ngày 10/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận (đối với chữ ký của Bàn Văn T so với chữ ký trong danh sách nhận tiền hỗ trợ khoán bảo vệ rừng năm 2016):

1. Chữ ký dạng chữ viết "Đoàn" tại mục "Ký nhận" ở hàng thứ tự số 11 ghi họ và tên Hoàng Văn Đ(ký hiệu A1) trong "DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, NHU CẦU KINH PHÍ KHOÁN BẢO VỆ RỪNG xã T - Yên Sơn - Tuyên Quang" đề ngày 03/3/2017 với chữ ký "Đoàn" trên mẫu so sánh ký hiệu M11 là do cùng một người ký.

2. Chữ ký dạng chữ viết "Vàng" tại mục "Ký nhận" ở hàng thứ tự số 35 ghi họ và tên Lầu Văn V (ký hiệu A12) trong "DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, NHU CẦU KINH PHÍ KHOÁN BẢO VỆ RỪNG xã T - Yên Sơn - Tuyên Quang" đề ngày 03/3/2017 với chữ ký "Vàng" trên mẫu so sánh ký hiệu M12 là do cùng một người ký.

3. Chữ ký dạng chữ viết "Nga" tại mục "Ký nhận" ở hàng thứ tự số 128 ghi họ và tên Nguyễn Đình C (ký hiệu A2) trong "DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, NHU CẦU KINH PHÍ KHOÁN BẢO VỆ RỪNG xã T - Yên Sơn - Tuyên Quang" đề ngày 03/3/2017 với chữ ký "Nga" trên mẫu so sánh ký hiệu M13 là do cùng một người ký.

4. Chữ ký dạng chữ viết "Páo" tại mục "Ký nhận" ở hàng thứ tự số 183 ghi họ và tên Sùng Seo P (ký hiệu A13) trong "DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, NHU CẦU KINH PHÍ KHOÁN BẢO VỆ RỪNG xã T - Yên Sơn - Tuyên Quang" đề ngày 03/3/2017 với chữ ký "Páo" trên mẫu so sánh ký hiệu M14 là do cùng một người ký.

5. Chữ ký dạng chữ viết "Sáng" tại mục "Ký nhận" ở hàng thứ tự số 184 ghi họ và tên Sùng Seo S1 (ký hiệu A14) trong "DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, NHU CẦU KINH PHÍ KHOÁN BẢO VỆ RỪNG xã T - Yên Sơn - Tuyên Quang" đề ngày 03/3/2017 với chữ ký "Sáng" trên mẫu so sánh ký hiệu M15 là do cùng một người ký.

6. Chữ ký dạng chữ viết "Sèng" tại mục "Ký nhận" ở hàng thứ tự số 185 ghi họ và tên Sùng Seo S(ký hiệu A15) trong "DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, NHU CẦU KINH PHÍ KHOÁN BẢO VỆ RỪNG xã T - Yên Sơn - Tuyên Quang" đề ngày 03/3/2017 với chữ ký "Sèng" trên mẫu so sánh ký hiệu M16 là do cùng một người ký.

7. Chữ ký dạng chữ viết "Xuân" tại mục "Ký nhận" ở hàng thứ tự số 190 ghi họ và tên Sùng Seo Puân (ký hiệu A16) trong "DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, NHU CẦU KINH PHÍ KHOẢN BẢO VỆ RỪNG xã T - Yên Sơn - Tuyên Quang" đề ngày 03/3/2017 với chữ ký "Xuân" trên mẫu so sánh ký hiệu M17 là do cùng một người ký.

Ngày 30/10/2020, Bàn Văn T tự nguyện giao nộp số tiền 8.788.000 đồng được chuyển theo hồ sơ vụ án chờ xử lý.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Sơn còn xác định trong các năm 2018, 2019, Lý Văn P, sinh năm 1980, là Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã T được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn giao nhiệm vụ chi trả tiền hỗ trợ khoán bảo vệ rừng năm 2017 và 2018. Quá trình thực hiện việc cấp phát, chi trả tiền kinh phí hỗ trợ của hai năm 2017 và 2018 còn có 03 hộ gia đình chưa nhận được tổng số tiền 3.964.000 đồng hỗ trợ theo quy định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2022/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 353; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Bàn Văn T phạm tội Tham ô tài sản. Xử phạt bị cáo Bàn Văn T 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, bị cáo Bàn Văn T có đơn kháng cáo xin hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và cho hưởng án treo.

Ngày 26/4/2022 bị cáo có đơn thay đổi nội dung kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/5/2022, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo. Bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội tham ô tài sản bởi tài sản bị chiếm đoạt không phải là tài sản của Nhà nước: Khoản tiền trên người có thẩm quyền đã làm thủ tục rút từ ngân sách Nhà nước từ năm 2017 để chi trả cho dân trở thành tài sản của công dân. Do các hộ đi khỏi địa phương bị cáo không liên lạc được để trả, các hộ dân cũng không đến lấy, bị cáo đã lập danh sách những hộ chưa nhận tiền; khoản tiền trên vẫn để tại cơ quan từ năm 2017 để sẵn sàng chi trả; Khi cơ quan công an lập biên bản bị cáo đã lấy số tiền trên từ tủ cơ quan nộp cho cơ quan điều tra. Bị cáo không có ý thức chiếm đoạt và khoản tiền trên không phải và không còn là tài sản của Nhà nước mà là tài sản của công dân của những người thụ hưởng. Ngày 03/7/2020, bị cáo đã chi trả cho hộ ông Nguyễn Đình C số tiền: 1.660.000 đồng; Ngày 22/9/2020, bị cáo đã chi trả cho hộ ông Lầu Văn V số tiền: 812.000 đồng. Do vậy việc xét xử bị cáo về tội "Tham ô tài sản" là không đúng tội danh.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật: Đơn kháng cáo của bị cáo Bàn Văn T là hợp lệ, trong hạn luật định. Trình tự thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng, căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại và lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; kết luận giám định, vật chứng thu giữ, cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận: Bàn Văn T, cán bộ Văn phòng - Thống kê xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang được Chủ tịch UBND xã T, huyện Yên Sơn giao quyền quản lý và chi trả tiền cho các hộ dân được hưởng tiền hỗ trợ bảo vệ rừng, đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn ký giả chữ ký của 07 hộ dân trong danh sách nhận tiền hỗ trợ khoán bảo vệ rừng năm 2016 nhằm chiếm đoạt số tiền 11.260.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm hoạt động của cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý tài sản, quản lý tài chính, kinh tế gây ảnh hưởng đến ngân sách Nhà nước, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Tham ô tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; xem xét, đánh giá vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo Bàn Văn T 02 năm 03 tháng tù là tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình biên bản giám định y khoa năm 2019 của Hội đồng giám định y khoa Sở y tế tỉnh Tuyên Quang kết luận bà Bàn Thị X (chị gái bị cáo) là người khuyết tật nặng ở cùng gia đình bị cáo; Giấy chứng nhận người có công với cách mạng và Bằng có công với nước của ông Bàn Văn L (bố vợ bị cáo); Huy hiệu 55 tuổi Đảng và Giấy khen của UBND huyện Yên Sơn đối với ông Bàn Văn T (là bố đẻ bị cáo); Giấy khen của UBND xã T đối với bị cáo các năm 2015, 2016 là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần ghi nhận cho bị cáo trong bản án.

Từ sự phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bàn Văn T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 03/2022/HS-ST ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo – Luật sư Đàm Quốc Cường trình bày bản luận cứ: Bị cáo Bàn Văn T không phạm tội Tham ô tài sản vì các lý do: Bị cáo là công chức văn phòng xã, không có nghiệp vụ về kế toán, không được tập huấn về nghiệp vụ kế toán. Việc phân công nhiệm vụ chi tiền không có văn bản, không phân công kế toán hướng dẫn, không phân công cụ thể thời hạn hoàn thành, cách thức chi trả, phương thức chi trả, phương thức lập, sử dụng, quản lý chứng từ chi trả. Hồ sơ thể hiện sau khi rút tiền từ ngân sách, số tiền trên chưa nhập quỹ tiền mặt của xã; Tại hồ sơ quyết toán ngân sách xã năm 2016 không có khoản tiền thu

bảo vệ rừng và không có khoản chi bảo vệ rừng. Khoản tiền trên đã được xuất quỹ từ kho bạc, lập phiếu chi toàn bộ chỉ thực hiện chi trả cho dân không phải là tiền ngân sách. Hành vi ký khống tên 07 hộ dân vào chứng từ kế toán, không báo cáo lãnh đạo mà tự lập danh sách 07 hộ cùng số tiền để vào tủ cá nhân của bị cáo tại cơ quan không phải là hành vi trong mặt khách quan của tội “Tham ô tài sản”: Hành vi trên có dấu hiệu tội “Vi phạm các quy định về kế toán” được quy định tại Điều 221 Bộ luật Hình sự. Tại tất cả các tài liệu tố tụng có trong hồ sơ đều thể hiện hành vi “Ký khống vào danh sách 07 hộ chưa đến nhận tiền” mục đích là để “hoàn thiện hồ sơ quyết toán”, không phải là hành vi “Biến tài sản của Nhà nước thành tài sản của mình. Bị cáo không thực hiện được việc chi trả nhưng đã lập danh sách cùng số tiền để tại tủ cá nhân tại cơ quan, không có tài liệu nào trong hồ sơ chứng minh bị cáo chiếm đoạt khoản tiền trên. Trên thực tế tháng 9/2020 bị cáo tiếp tục chi trả cho hộ ông Chuyên và hộ ông Vàng. Khi nộp chứng từ kế toán (Danh sách chi tiền) cho Kế toán lần đầu bị cáo không ký khống 07 hộ nhưng khi kế toán, anh Nghĩa và cán bộ thẩm định Phòng Tài chính huyện Yên Sơn hướng dẫn mang về hoàn thiện hồ sơ, do 07 hộ không có mặt tại địa phương nên bị cáo đã ký khống mục đích để hoàn thiện quyết toán, không có mục đích chiếm đoạt. Khi cơ quan Công an lập biên bản bị cáo đã lấy số tiền trên từ tủ nộp cho cơ quan điều tra được thể hiện tại biên bản khám xét. Cơ quan điều tra không thực hiện giám định chữ ký của bị cáo với chữ ký mà bị cáo ký vào danh sách chi tiền do đó chưa đủ căn cứ kết tội bị cáo. Mặt khác, tại bản án sơ thẩm tuyên “Tịch thu số tiền 8.778.000 để sung công quỹ” là trái pháp luật vì số tiền trên khi rút về đã xuất phiếu chi là tiền trả cho dân, không nhập quỹ ngân sách xã, không còn là tiền nằm trong quỹ ngân sách của Nhà nước. Nếu chi không đúng phải làm thủ tục xuất toán trả lại ngân sách. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 358; Điều 360, Điều 361 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra lại.

Người bào chữa cho bị cáo – Trợ giúp viên pháp lý Hoàng Văn Vũ nhất trí với luận cứ của Luật sư Đàm Quốc Cường tại phiên tòa và không bổ sung gì thêm. Bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư và Trợ giúp viên pháp lý.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại UBND xã T, huyện Yên Sơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa nhất trí với quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 358; Điều 360, điều 361 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra lại.

Khi được Hội đồng xét xử cho phép nói lời sau cùng, bị cáo vẫn giữ nguyên ý kiến bị cáo không phạm tội Tham ô tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Bàn Văn T trong thời hạn luật định, có nội dung quy định tại khoản 2 Điều 332 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo, của bị hại và lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; kết luận giám định, vật chứng thu giữ, cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định: Trên cơ sở Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020; Thông tư 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 27/6/2016 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020. Ngày 14/12/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 1744/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh và giao dự toán kinh phí bảo vệ rừng năm 2016. Thực hiện quyết định 1744/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, ngày 30/12/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn ban hành Quyết định số 10643/QĐ-UBND về việc phê duyệt giao dự toán kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2016 huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Theo bảng phân bổ kinh phí Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2016 trên địa bàn huyện Yên Sơn (*theo Quyết định số 10643/2016*) Ủy ban nhân dân xã T được cấp với tổng số tiền là 523.490.000đ (*Năm trăm hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*) thông qua Kho bạc Nhà nước huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Trong đó số tiền được cấp 219.376.000đ (*Hai trăm mười chín triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) là số tiền hỗ trợ bảo vệ rừng cấp cho các hộ dân thuộc diện được hưởng của xã T.

Ngày 16/01/2017, Ủy ban nhân dân xã T làm thủ tục rút số tiền 253.626.000đ (*Hai trăm năm mươi ba triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) trong đó có 219.376.000đ (*Hai trăm mười chín triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) là tiền hỗ trợ bảo vệ rừng cấp cho 143 hộ dân từ Kho bạc Nhà nước huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (thể hiện tại giấy rút dự toán ngân sách - BL số 419) về nhập quỹ tiền mặt của Ủy ban nhân dân xã T do ông Lý Văn P là thủ quỹ quản lý (phiếu thu - BL số 417). Sau đó ông Lý Văn P đã có giấy đề nghị thanh toán, Ủy ban nhân dân xã T đã lập phiếu chi cùng danh sách các hộ dân được nhận tiền hỗ trợ bảo vệ rừng năm 2016 giao cho ông Lý Văn P là thủ quỹ của Ủy ban nhân dân xã để thực hiện chi trả cho các hộ dân được hưởng theo quy định (BL 420, 421, 423 – 437). Tại cuộc họp giao ban của Ủy ban nhân dân xã T vào tháng 01/2017, ông Bàn Văn T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T đã giao cho bị cáo Bàn Văn T là công chức văn phòng thống kê của UBND xã T nhiệm vụ quyền hạn chi tiền hỗ trợ bảo vệ rừng năm 2016 cho các hộ dân trên địa bàn xã theo danh sách đã được

chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Sơn phê duyệt, việc giao nhiệm vụ được không có văn bản cụ thể tuy nhiên được thông qua tại cuộc họp giao ban của xã T (những người có mặt tại cuộc họp giao ban và bị cáo T đều xác nhận (Lời khai ông Triệu Văn Thượng - BL số 66 tập 3, lời khai ông Lý Chí N BL 70-71 tập 3, lời khai ông Lý Văn P...). Ngay sau khi được phân công Bàn Văn T đã nhận số tiền 219.376.000đ (*Hai trăm mười chín triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) và danh sách chi tiền cho các hộ từ thủ quỹ Lý Văn P, việc giao nhận tiền được thực hiện tại bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân xã T có sự chứng kiến của ông Lý Chí N kế toán và anh Lê Trọng H là chuyên viên văn phòng (BL 68 tập 3). Bị cáo đã trực tiếp quản lý số tiền 219.376.000đ (*Hai trăm mười chín triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) và thực hiện việc chi trả cho các hộ dân theo danh sách chi. Bị cáo đã chi trả cho 136 hộ dân trong danh sách với tổng số tiền là 208.116.000 đồng, còn lại 07 hộ là hộ ông Lầu Văn V, hộ ông Hoàng Văn Đoàn, hộ ông Sùng Seo Seng, hộ ông Sùng Seo S1, hộ ông Sùng Seo P; hộ ông Sùng Seo Puân, hộ ông Nguyễn Đình C chưa đến nhận tiền. Bị cáo đã lợi dụng những hộ này không nhận được thông tin đến nhận tiền và không có mặt tại địa phương tại thời điểm được hỗ trợ tiền để tự ký khống chữ ký của các hộ, sau đó đã nộp chứng từ để quyết toán xong ngân sách năm 2016. Phòng tài chính huyện Yên Sơn đã thực hiện thẩm tra quyết toán ngân sách xã năm 2016 đơn vị Ủy ban nhân dân xã T đối với toàn bộ số tiền chi cho 143 hộ dân trong mục chi “Trồng rừng và chăm sóc rừng” vào ngày 15/4/2017 (BL 163 – 171). Số tiền hỗ trợ bảo vệ rừng năm 2016 cho 07 hộ dân bị cáo được giao để chi trả là 11.260.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt, tự mình cất, sử dụng mà không báo cáo lại Ủy ban nhân dân xã T. Như vậy hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành kể từ thời điểm bị cáo ký khống chữ ký 07 hộ dân trong danh sách được nhận tiền hỗ trợ và đã nộp danh sách để cơ quan có thẩm quyền quyết toán ngân sách.

Bị cáo cho rằng bị cáo không có mục đích chiếm đoạt số tiền trên, khi nộp chứng từ kế toán (Danh sách chi tiền) cho kế toán lần đầu bị cáo không ký khống 07 hộ nhưng khi kế toán, anh Nghĩa và cán bộ thẩm định Phòng Tài chính huyện Yên Sơn hướng dẫn mang về hoàn thiện hồ sơ, do 07 hộ không có mặt tại địa phương nên bị cáo đã ký khống mục đích để hoàn thiện quyết toán, không có mục đích chiếm đoạt. Tuy nhiên theo lời khai của ông Lê Trung D là chuyên viên Phòng Tài chính huyện Yên Sơn thể hiện khi thẩm tra duyệt quyết toán danh sách chi tiền hỗ trợ bảo vệ rừng xã T năm 2016 đã có đầy đủ chữ ký của các hộ dân. Bị cáo còn cho rằng bị cáo đã lập danh sách các hộ chưa được nhận tiền và để số tiền này vào tủ cá nhân để khi nào các hộ được nhận tiền đến nhận thì sẽ chi trả cho các hộ dân này. Tuy nhiên từ năm 2017 cho đến năm 2020 bị cáo không thực hiện việc chi trả cho các hộ dân chưa được nhận tiền, không nộp lại quỹ của đơn vị, khi có ý kiến của ông Lầu Văn V về việc chưa được nhận tiền hỗ trợ bảo vệ rừng năm 2016, ông Ma Thế M là chủ tịch xã T thời điểm đó yêu cầu xem xét lại thì bị cáo T vẫn không thực hiện chi trả. Chỉ đến khi có đoàn thanh tra của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang đến thanh tra việc chi trả tiền hỗ

trợ cho các hộ gia đình, chị Chu Thị H biết hộ gia đình mình thuộc diện được hưởng nhưng chưa được nhận tiền nên đã đến Ủy ban nhân dân xã yêu cầu, khi có ý kiến chỉ đạo của ông Ma Thế M chủ tịch xã T thì bị cáo T mới chi trả cho chị Chu Thị H số tiền 1.660.000đ (*Một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) vào ngày 03/7/2020. Ông Lầu Văn V đã nhiều lần đến gặp bị cáo T đề nghị được nhận tiền nhưng bị cáo T trả lời ông Vàng là đã có chữ ký là đã được nhận tiền, không thực hiện chi trả nên ông Lầu Văn V mới có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn và Thanh tra huyện Yên Sơn giải quyết việc hộ gia đình ông chưa được nhận tiền hỗ trợ khoán bảo vệ rừng năm 2016 thì bị cáo mới chi trả cho ông Vàng số tiền 812.000 đồng tại Chốt bảo vệ rừng Khuổi Bốc, thuộc thôn Khuổi Bốc, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 22/9/2020. Khi có đơn tố giác tội phạm, Công an huyện Yên Sơn kiểm tra, xác minh tố giác tội phạm thì T mới nộp số tiền 8.788.000đ là số tiền phải chi cho các hộ dân nhưng bị cáo không chi mà đã ký khống vào danh sách phần người nhận tiền (BL 22 tập 1) chứ không phải khi cơ quan công an lập biên bản bị cáo lấy từ trong tủ cơ quan để nộp cho cơ quan điều tra như bị cáo khai. Bị cáo cho rằng người nhà ông Chuyên, bà Hường đã nhận tiền hỗ trợ bảo vệ rừng năm 2016 do bị cáo chi nhưng bị cáo không biết ai ký vào danh sách, do không nhớ nên bị cáo tự bỏ tiền cá nhân ra để chi cho bà Hường, tuy nhiên tại Kết luận giám định số 447/GĐ_KTHS ngày 10/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận “*Chữ ký dạng chữ viết Nga tại mục ký nhận ở hàng thứ tự số 128 ghi họ và tên Nguyễn Đình C trong danh sách đối tượng, nhu cầu kinh phí khoán bảo vệ rừng xã T, Yên Sơn, Tuyên Quang đề ngày 03/3/2017 với chữ ký Nga trên mẫu so sánh là biên bản làm việc ghi ngày 05/5/2021 đối với Ban Văn T có chữ ký Nga do một người ký*”.

Do đó có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian tháng 4/2017 Bàn Văn T, trú tại thôn Minh Lợi, xã T, huyện Yên Sơn, là cán bộ Văn phòng - Thống kê xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (được tuyển dụng vào công chức cấp xã ngày 14/10/2015 theo Quyết định số 5973/QĐ-UBND) đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn ký giả chữ ký của 07 hộ dân trong danh sách nhận tiền hỗ trợ khoán bảo vệ rừng năm 2016 chiếm đoạt số tiền 11.260.000đ (*Mười một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Sơn giao quản lý và cấp phát tiền cho các hộ dân thuộc đối tượng được hỗ trợ bảo vệ rừng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Bàn Văn T phạm tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận.

[3] Quan điểm của Luật sư, Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo T không phạm tội Tham ô tài sản là không có cơ sở để chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020 quy định về đối tượng được hỗ trợ là hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã có điều kiện

kinh tế xã hội khó khăn. Đối với các hộ ông Hoàng Văn Đoàn, hộ ông Sùng Seo Sèng, hộ ông Sùng Seo S1, hộ Sùng Seo P, hộ ông Sùng Seo Puân đã chuyển hộ khẩu đi nơi khác thực tế không sống ổn định ở địa phương trong thời gian Ủy ban nhân dân xã T thực hiện chi trả tiền hỗ trợ nên không đủ điều kiện nhận tiền hỗ trợ theo quy định. Số tiền 8.788.000đ trong danh sách chi cho các hộ này là tiền ngân sách nhà nước, bị cáo chiếm đoạt toàn bộ số tiền này nên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang đã tuyên tịch thu là đúng quy định pháp luật.

[4] Tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình tài liệu chứng cứ mới là Biên bản giám định y khoa năm 2019 của Hội đồng giám định y khoa Sở y tế tỉnh Tuyên Quang kết luận bà Bàn Thị X (là chị gái bị cáo đang ở cùng gia đình bị cáo) là người khuyết tật nặng; Giấy chứng nhận người có công với cách mạng và Bằng có công với nước của ông Bàn Văn L (bố vợ bị cáo); Huy hiệu 55 tuổi Đảng và Giấy khen của Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn đối với ông Bàn Văn T (là bố đẻ bị cáo); các Giấy khen của Ủy ban nhân dân xã T đối với bị cáo T trong các năm 2015, 2016, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho bị cáo. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó cần giữ nguyên mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Bàn Văn T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Đối với trách nhiệm của ông Bàn Văn T (nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T và là chủ tài khoản ngân sách xã) không biết bị cáo T ký giả chữ ký chiếm đoạt tài sản, trong quá trình giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, ông Thân đã không thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác kiểm tra, giám sát, quản lý cán bộ nên đã để cán bộ có hành vi phạm tội. Tuy nhiên sai phạm của ông Thân chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Sơn đã có văn bản kiến nghị gửi Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn xem xét kiểm điểm trách nhiệm và có hình thức xử lý trách nhiệm với ông Bàn Văn T. Nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Đối với ông Lý Văn P được giao nhiệm vụ chi trả tiền hỗ trợ khoán bảo vệ rừng các năm 2017, 2018, quá trình điều tra chưa xác định được ông Phòng có hành vi ký khống vào danh sách nhận tiền để chiếm đoạt hay không, do chưa đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lý Văn P nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Sơn đã tách hành vi của Lý Văn P để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ sau.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bàn Văn T, giữ nguyên quyết định của

Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2022/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Bàn Văn T phạm tội Tham ô tài sản. Xử phạt bị cáo Bàn Văn T 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 8.788.000đ do bị cáo Bàn Văn T nộp trong gian đoạn điều tra.

(Số tiền này đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang chuyển vào tài khoản số 39490106484900000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang thể hiện tại Ủy nhiệm chi số 15 ngày 16/6/2021).

2. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Bàn Văn T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Bị cáo Bàn Văn T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/6/2022)./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND + VKSND huyện Yên Sơn;
- CQCSĐT Công an huyện Yên Sơn;
- Cơ quan THADS huyện Yên Sơn;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Văn phòng Tòa án tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Ngọc Hà

